

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu 1 “Thiết bị chuyên ngành Dược” của Trường Đại học Dược Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 6099/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3448/QĐ-BYT ngày 05/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Dự án mua sắm trang thiết bị năm 2020 từ nguồn Ngân sách nhà nước, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số QĐ số 3826/QĐ-BYT ngày 31/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản cố định năm 2020 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ- DHN ngày 10/9/2020 về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu 1 “Thiết bị chuyên ngành Dược” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản cố định năm 2020 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Báo cáo đánh giá của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu ngày 03 tháng 10 năm 2020;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 07/10/2020 giữa Trường Đại học Dược Hà Nội với Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị ATI;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ chuyên gia thẩm định ngày 07 tháng 10 năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Vật tư và Trang thiết bị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 1 “Thiết bị chuyên ngành Dược” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản cố định năm 2020 của Trường Đại học Dược Hà Nội như sau:

1. Nhà thầu trúng thầu: Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị ATI
 2. Địa chỉ: Số 9A, Tổ 20, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 3. Giá trúng thầu là: 4.602.600.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn./.*)
 3. Nguồn vốn:
 - Nguồn Ngân sách Nhà nước không thường xuyên (Loại 070 khoản 081 – giáo dục đại học): 4.360.180.000đ (Bốn tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng)
 - Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường Đại học Dược Hà Nội: 242.420.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)
 4. Hình thức hợp đồng: trọn gói
 5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày
- Phụ lục. Danh mục thiết bị trúng thầu chi tiết kèm theo.

Điều 2. Giá trúng thầu là giá thành đã bao gồm tất cả các loại thuế: thuế GTGT và các loại thuế khác, phí, lệ phí theo luật định, lắp đặt, bảo hành, đào tạo và giao hàng tại Trường Đại học Dược Hà Nội đã được quy định tại hồ sơ mời thầu.

Điều 3. Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua trang thiết bị bằng nguồn NSNN với đơn vị trúng thầu được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng Luật Dân sự và Luật Thương mại, đúng các tiêu chuẩn quy định của hồ sơ yêu cầu, đảm bảo chất lượng, tiến độ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các ông (bà) tổ trưởng tổ chuyên gia đầu thầu, trưởng phòng: Vật tư và Trang thiết bị, Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Vụ KH-TC BYT (để b/cáo);
- Lưu: VT, VT&TTB.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Bình

Y
ƯỚC
VI
CH
★

PHỤ LỤC DANH MỤC THIẾT BỊ TRÚNG THẦU
Gói thầu 1 “Thiết bị chuyên ngành Dược”

(Kèm theo Quyết định số: 847 /QĐ-DHN ngày 07/10/2020
của Trường Đại học Dược Hà Nội)

TT	Tên thiết bị	Model/ hsx	Xuất xứ	Đơn vị	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Tủ hood (Tốc độ $\geq$ 1.450 vòng/phút, Lưu lượng: $\geq$ 2.400 m ³ /h)	Model: LFS-Hood 1200/ HSX: LFS	Việt Nam	Cái	6	79.800.000	478.800.000
2	Nồi hấp tiệt trùng $\geq$ 30 lít	Model: UTKBS-30V/ HSX: MRC - Israel	Trung Quốc	Cái	3	89.000.000	267.000.000
3	Cân phân tích (10 ⁻⁴ g)	Model: GF 224A/ HSX: A&D	Nhật Bản	Cái	6	44.950.000	269.700.000
4	Cân kỹ thuật (10 ⁻² g)	Model: EK410i/ HSX: A&D	Hàn Quốc	Cái	9	11.950.000	107.550.000
5	Cân phân tích kết nối với máy in chuyên dụng (Trọng lượng cân tối đa: $\geq$ 200 gram, 10 ⁻⁴ g)	Model: GF 224A Và máy in (Model: AD-8127)/ HSX: A&D	Nhật Bản	Cái	1	83.500.000	83.500.000
6	Cân xác định hàm ẩm (trọng lượng cân tối đa $\geq$ 50g, 10 ⁻³ g)	Model: MF-50/ HSX: A&D	Nhật Bản	Cái	2	77.450.000	154.900.000
7	Đèn UV soi sắc ký (6W, bước sóng: 254 nm và 365 nm)	Model: VL-6.LC/ HSX: Vilber Loumat	Pháp	Cái	3	29.650.000	88.950.000
8	Máy đo PH để bàn (khoảng đo từ 0 đến 14 pH)	Model: pH700/ HSX: Thermo Scientific Eutech	Singapore	Cái	4	24.850.000	99.400.000

9	Máy đo độ dẫn để bàn (Khoảng đo độ dẫn tối đa ≥ 200 mS)	Model: S230/ HSX: Mettler Toledo - Thụy Sĩ	Trung Quốc	Cái	1	68.750.000	68.750.000
10	Bể điều nhiệt ≥ 14 lít	Model: WN B14/ HSX: Memmert	Đức	Cái	1	39.500.000	39.500.000
11	Bể rung siêu âm ≥ 10 lít	Model: S 100 (H)/ HSX: Elma	Đức	Cái	2	73.750.000	147.500.000
12	Bơm hút chân không màng (lưu lượng ≥ 28 lít/phút)	Model: MVP 10 B S000/ HSX: IKA - Đức	Malaysia	Cái	1	69.000.000	69.000.000
13	Bộ định lượng tinh dầu	HSX: Lenz	Đức	Bộ	4	17.950.000	71.800.000
14	Kính hiển vi sinh học 2 mắt (độ phóng đại tối đa ≥ 1000 lần)	Model: CxL/ HSX: Labomed	Ấn Độ	Cái	8	29.900.000	239.200.000
15	Máy khuấy từ gia nhiệt (Khả năng khuấy tối đa ≥ 20 lít)	HSX: Daihan/ Model: MSH - 20A	Hàn Quốc	Cái	6	16.900.000	101.400.000
16	Máy lắc xoay (tốc độ lắc từ 0 đến ≥ 3000 vòng/ phút)	Model: MS 3 D S0A0/ HSX: IKA - Đức	Malaysia	Cái	1	14.000.000	14.000.000
17	Máy cắt quay chân không (bình cắt 1lít, tốc độ quay từ 5 đến ≥ 280 vòng/phút)	Model: RV 8 S099/ HSX: IKA - Đức	Malaysia	Cái	2	236.800.000	473.600.000
18	Phân cực kế cơ (Góc đo từ 0° đến 180°)	Model: P1000 LED/ HSX: Akruss	Đức	Cái	1	69.850.000	69.850.000
19	Tủ đựng hóa chất có bộ phận lọc khí (số chai bảo quản tối thiểu là 240 chai 1 lít)	Model: Captair 1634 Smart/ HSX: Erlab - Pháp	Trung Quốc	Cái	1	355.500.000	355.500.000
20	Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt (Nhiệt độ 1- 60° C, điều chỉnh cơ hoặc tự động từng mức $0,1^\circ$ C)	Model: HC – 01/ HSX: Orchid Scientific	Ấn Độ	Cái	1	266.450.000	266.450.000
21	Máy đo micro pH (khoảng đo từ 0 đến 14pH, thể tích tối	Model: S220/ HSX: Mettler Toledo - Thụy	Trung Quốc	Cái	1	147.500.000	147.500.000

	thiếu 10 μ L, đo được pH bề mặt mẫu rắn)	Sỹ					
22	Bộ đo độ dẻo mỹ phẩm (Tốc độ di chuyển của đầu đo từ 0.01-10mm/s)	Model: TA-LC/ HSX: Ametek Brookfield	Mỹ	Cái	1	180.550.000	180.550.000
23	Máy quang phổ UV - VIS (Khoảng bước sóng từ 190 - 1100 nm, độ rộng băng thông ≤ 5 nm)	Model: U – 5100/ HSX: Hitachi	Nhật Bản	Cái	3	248.750.000	746.250.000
24	Máy hút ẩm công nghiệp (Công suất hút ≥ 20 lít/24 giờ)	Model: TS887/ HSX: Tiross – Ba Lan	Trung Quốc	Cái	3	20.650.000	61.950.000
	Tổng cộng						4.602.600.000
	Trong đó						
	Kinh phí từ nguồn NSNN (Loại 070 khoản 081 – giáo dục đại học)						4.360.180.000
	Kinh phí từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp						242.420.000